TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 84/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 05 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 166/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Tào Tuấn T; Sinh năm: 1998

Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038098007931

Chị Lê Thị L; Sinh năm: 1998

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038198012539

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Tào Tuấn T và chị Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (Nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 12/06/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Do đó, nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu của anh Tào Tuấn T và chị Lê Thị L.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Yến N (sau đổi thành Tào Yến N), sinh ngày 10/8/2016 và Tào Anh T, sinh ngày 22/8/2019. Ly hôn, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh T, chị L trực tiếp dưỡng cháu Yến N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]. Về tài sản chung: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tào Tuấn T và chị Lê Thị L thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Lê Yến N (Tào Yến N), sinh ngày 10/8/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tào Anh T, sinh ngày 22/8/2019. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T, chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Chị Lê Thị L tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa theo biên lai số: BLTU/26E/0004026 ngày 21/5/2026, chị Lan đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7- Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc

TAND KHU VỰC 7
M2E050626.TL.QDBA
536